

# GIAO DỊCH HÀNG HÓA

 024 9999 8669



+6.5%

Trends

| Mã hợp đồng                     | Bước giá | Giá khớp | Giá chào mua | Giá chào bán | KL khớp | KL chào mua | KL chào bán | Giá mở |
|---------------------------------|----------|----------|--------------|--------------|---------|-------------|-------------|--------|
| CPEK20 - Đồng Comex 05/2020     | 0.0005   | ▲ 2.2620 | ▼ 2.2615     | ▲ 2.2625     | 1       | 12          | 21          |        |
| CPEM20 - Đồng Comex 06/2020     | 0.0005   | 2.2730   | ▼ 2.2670     | ▲ 2.2685     | 1       | 5           | 3           |        |
| ZLEK20 - Dầu Đậu Tương 05/2020  | 0.01     | ▼ 27.23  | ▼ 27.23      | ▼ 27.24      | 1       | 3           | 3           |        |
| ZMEK20 - Khoé Đậu Tương 05/2020 | 0.10     | ▲ 293.30 | ▲ 293.20     | ▲ 293.40     | 2       | 28          | 25          |        |
| ZSEK20 - Đậu Tương 05/2020      | 0.25     | ▲ 856.00 | ▼ 855.75     | ▲ 856.25     | 1       | 22          | 19          |        |
| ZWAK20 - Lúa Mì 05/2020         | 0.25     | 548.25   | ▼ 548.00     | ▼ 548.25     | 1       | 27          | 2           |        |

# MỤC LỤC

|                                                   |    |
|---------------------------------------------------|----|
| A. Tổng quan về công ty                           | 02 |
| B. Sơ đồ tổ chức                                  | 03 |
| C. Lĩnh vực hoạt động                             | 03 |
| D. Giao dịch hàng hóa                             | 04 |
| E. Đối tác                                        | 06 |
| F. Thời gian giao dịch                            | 07 |
| G. Ký hiệu hợp đồng                               | 08 |
| H. Đặc tả hợp đồng                                | 09 |
| I. Hạ tầng công nghệ giao dịch tiêu chuẩn quốc tế | 10 |
| J. Hoạt động đào tạo tập huấn                     | 10 |

## A. TỔNG QUAN VỀ CÔNG TY

### 1. Giới thiệu

Được cấp phép và bảo lãnh của Sở Giao Dịch Hàng Hóa Việt Nam theo số 83/QĐ/MXV ngày 24/03/2020 Với các nghiệp vụ kinh doanh: Tư vấn đầu tư hàng hóa, Dịch vụ ủy thác đầu tư.

### 2. Tầm nhìn

DCV INVEST sẽ trở thành một trong những định chế tài chính được đánh giá cao trên thị trường hàng hóa - đáng tin cậy nhất Việt Nam.

### 3. Sứ mệnh

DCV INVEST không chỉ giúp các nhà đầu tư có thêm lợi nhuận khi tham gia đầu tư mà đặc biệt còn giúp doanh nghiệp bảo hiểm rủi ro khi mua bán hàng hóa, giúp người nông dân chủ động được giá bán sản phẩm với giá cao và định được mức lợi nhuận sẽ có được trong tương lai.

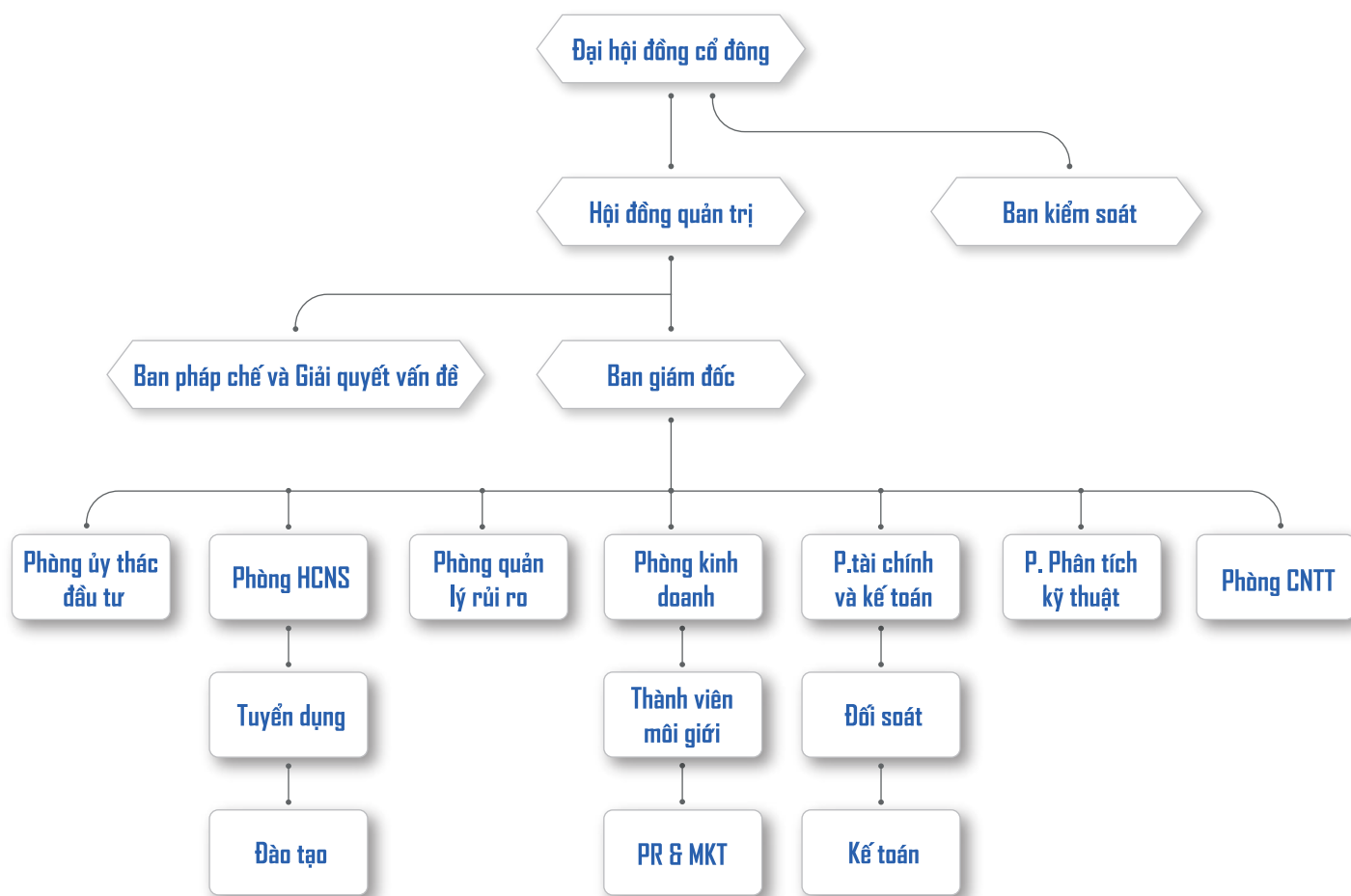
### 4. Giá trị cốt lõi

Lấy công nghệ làm nền tảng cho sự phát triển, Uy tín – Chuyên nghiệp – Hiệu quả.



| cửa    | Giá cao nhất | Giá thấp nhất |
|--------|--------------|---------------|
| 2.2715 | 2.2885       | 2.2555        |
| 2.2880 | 2.2880       | 2.2730        |
| 27.27  | 27.75        | 27.15         |
| 293.40 | 294.20       | 293.00        |
| 855.50 | 860.00       | 853.75        |
| 549.25 | 551.75       | 546.75        |

## B. SƠ ĐỒ TỔ CHỨC



## C. LĨNH VỰC HOẠT ĐỘNG

### 1. Dịch vụ đầu tư hàng hóa



Tư vấn chiến lược giao dịch hàng hóa.



Tư vấn quản trị rủi ro trong đầu tư.

2.



Dịch vụ môi giới kinh doanh.





## D. GIAO DỊCH HÀNG HÓA

### 1. Khái niệm

Phái sinh hàng hóa là giao dịch trong đó khách hàng thực hiện mua, bán một khối lượng hàng hóa tại mức giá xác định và việc giao nhận hàng được thực hiện tại một thời điểm định trước trong tương lai.

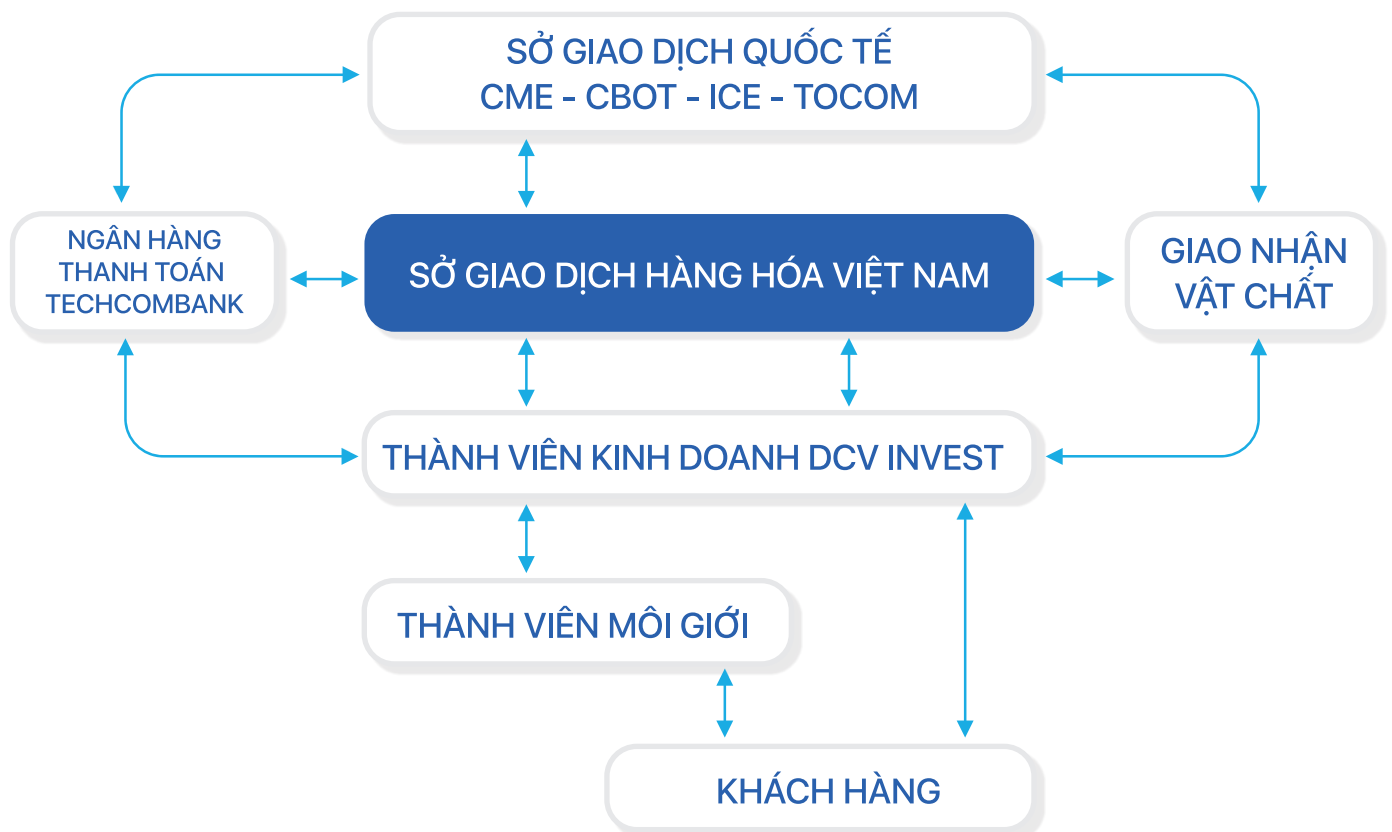
Giúp các nhà đầu tư tìm kiếm lợi nhuận từ sự chênh lệch hàng hóa.

### 2. Phân tích thị trường

Căn cứ theo Nghị định 51/2018/NĐ-CP, Sở Giao dịch Hàng hóa Việt Nam (Mercantile Exchange of Vietnam – MXV) hoạt động theo hình thức tổ chức là một Công ty Cổ phần và được Bộ Công Thương cấp phép giao dịch hàng hóa. MXV đã chính thức đưa vào hoạt động hệ thống Phần mềm CQG, cung ứng sản phẩm giao dịch rộng rãi tới những thương nhân có nhu cầu giao dịch phái sinh hàng hóa trong nước và quốc tế.



Mô hình hoạt động MXV



### 3. Mặt hàng giao dịch, hàng hóa

19 mặt hàng trong ba nhóm Nông sản, Nguyên vật liệu công nghiệp, Kim loại.

#### CÁC LOẠI HÀNG HÓA



### 4. Các loại hàng hóa

Giao dịch hợp đồng tương lai hàng hóa, Giao dịch hợp đồng quyền chọn hàng hóa, Giao dịch hoán đổi giá cả hàng hóa.

### 5. Các loại hợp đồng giao dịch

Hợp đồng tương lai, Hợp đồng kỳ hạn, Hợp đồng quyền



### 6. Hạn chế

Khả năng tham gia giao dịch còn hạn chế: Muốn tham gia sàn, hàng hóa phải được các chuyên gia kỹ thuật kiểm định chất lượng, phẩm cấp, chủng loại, sau đó cấp chứng thư hàng gửi kho, chỉ hàng hóa đủ tiêu chuẩn mới được tham gia giao dịch.

## 7. Lý do Nhà đầu tư - đầu tư hàng hóa

01

Lợi nhuận từ sự chênh lệch giá, mua bán hai chiều.

02

Hạn chế rủi ro thua lỗ, chặn lỗ dễ dàng.

03

Mua bán trong phiên, không phải trả phí vay.

04

Đầu tư dài hạn, rất dễ chiến thắng.

05

SGD là kênh giao dịch an toàn, minh bạch, đảm bảo quyền lợi của Nhà nước. Được Bộ Công Thương cấp phép.

06

Công nghệ hiện đại liên tục update các tính năng mới của phần mềm giao dịch để giúp các nhà đầu tư đạt được hiệu quả trong việc giao dịch.

## 8. Hướng dẫn tham gia Giao dịch Hàng hóa

### Bước 1

Đăng nhập hệ thống Phần mềm CQG



### Bước 2

Xem bảng giá và chọn hàng hóa



### Bước 3

Đặt lệnh



### Bước 4

Tra cứu thông tin tài khoản



## E. ĐỐI TÁC



## F. THỜI GIAN GIAO DỊCH

Thời gian giao dịch tùy vào loại sản phẩm hàng hóa. Thời gian giao dịch tại **DCV Invest** đáp ứng tính liên thông với các thị trường hàng hóa thế giới, đảm bảo cho Nhà đầu tư có thể giao dịch liên tục ở mọi thời điểm trong ngày.

| NGÀY T | NÔNG SẢN | NGUYÊN LIỆU CÔNG NGHIỆP | KIM LOẠI | NĂNG LƯỢNG |
|--------|----------|-------------------------|----------|------------|
| 6:00   |          |                         |          |            |
| 6:15   |          |                         |          |            |
| 6:30   |          |                         |          |            |
| 6:45   |          |                         |          |            |
| 7:00   |          |                         |          |            |
| 7:15   |          |                         |          |            |
| 7:30   |          |                         |          |            |
| 7:45   |          |                         |          |            |
| 8:00   |          |                         |          |            |
| 8:15   |          |                         |          |            |
| 8:30   |          |                         |          |            |
| 8:45   |          |                         |          |            |
| 9:00   |          |                         |          |            |
| 9:15   |          |                         |          |            |
| 9:30   |          |                         |          |            |
| 9:45   |          |                         |          |            |
| 10:00  |          |                         |          |            |
| 10:15  |          |                         |          |            |
| 10:30  |          |                         |          |            |
| 10:45  |          |                         |          |            |
| 11:00  |          |                         |          |            |
| 11:15  |          |                         |          |            |
| 11:30  |          |                         |          |            |
| 11:45  |          |                         |          |            |
| 12:00  |          |                         |          |            |
| 12:15  |          |                         |          |            |
| 12:30  |          |                         |          |            |
| 12:35  |          |                         |          |            |
| 12:45  |          |                         |          |            |
| 13:00  |          |                         |          |            |
| 13:15  |          |                         |          |            |
| 13:30  |          |                         |          |            |
| 13:45  |          |                         |          |            |
| 14:00  |          |                         |          |            |
| 14:15  |          |                         |          |            |
| 14:30  |          |                         |          |            |
| 14:45  |          |                         |          |            |
| 15:00  |          |                         |          |            |
| 15:15  |          |                         |          |            |
| 15:30  |          |                         |          |            |
| 15:45  |          |                         |          |            |
| 16:00  |          |                         |          |            |
| 16:15  |          |                         |          |            |
| 16:30  |          |                         |          |            |
| 16:45  |          |                         |          |            |

| NGÀY T | NÔNG SẢN | NGUYÊN LIỆU CÔNG NGHIỆP | KIM LOẠI | NĂNG LƯỢNG |
|--------|----------|-------------------------|----------|------------|
| 17:00  |          |                         |          |            |
| 17:15  |          |                         |          |            |
| 17:30  |          |                         |          |            |
| 17:45  |          |                         |          |            |
| 18:00  |          |                         |          |            |
| 18:15  |          |                         |          |            |
| 18:30  |          |                         |          |            |
| 18:45  |          |                         |          |            |
| 19:00  |          |                         |          |            |
| 19:15  |          |                         |          |            |
| 19:30  |          |                         |          |            |
| 19:45  |          |                         |          |            |
| 20:00  |          |                         |          |            |
| 20:15  |          |                         |          |            |
| 20:30  |          |                         |          |            |
| 20:45  |          |                         |          |            |
| 21:00  |          |                         |          |            |
| 21:15  |          |                         |          |            |
| 21:30  |          |                         |          |            |
| 21:45  |          |                         |          |            |
| 22:00  |          |                         |          |            |
| 22:15  |          |                         |          |            |
| 22:30  |          |                         |          |            |
| 22:45  |          |                         |          |            |
| 23:00  |          |                         |          |            |
| 23:30  |          |                         |          |            |
| 23:45  |          |                         |          |            |

| NGÀY T | NÔNG SẢN | NGUYÊN LIỆU CÔNG NGHIỆP | KIM LOẠI | NĂNG LƯỢNG |
|--------|----------|-------------------------|----------|------------|
| 00:00  |          |                         |          |            |
| 00:15  |          |                         |          |            |
| 00:30  |          |                         |          |            |
| 00:45  |          |                         |          |            |
| 01:00  |          |                         |          |            |
| 01:15  |          |                         |          |            |
| 01:20  |          |                         |          |            |
| 01:30  |          |                         |          |            |
| 01:45  |          |                         |          |            |
| 02:00  |          |                         |          |            |
| 02:15  |          |                         |          |            |
| 02:30  |          |                         |          |            |
| 02:45  |          |                         |          |            |
| 03:00  |          |                         |          |            |
| 03:15  |          |                         |          |            |
| 03:30  |          |                         |          |            |
| 03:45  |          |                         |          |            |
| 04:00  |          |                         |          |            |
| 04:15  |          |                         |          |            |
| 04:30  |          |                         |          |            |
| 04:45  |          |                         |          |            |
| 05:00  |          |                         |          |            |
| 06:00  |          |                         |          |            |



## G. KÝ HIỆU HỢP ĐỒNG

| STT               | Tên                  | Sản phẩm     | Sở giao dịch | Mã hàng hóa |
|-------------------|----------------------|--------------|--------------|-------------|
| <b>I Nông sản</b> |                      |              |              |             |
| 1                 | <b>Ngô</b>           | Corn         | CBOT         | ZCE         |
| 2                 | <b>Đậu tương</b>     | Soybean      | CBOT         | ZSE         |
| 3                 | <b>Dầu đậu tương</b> | Soybean Oil  | CBOT         | ZLE         |
| 4                 | <b>Khô đậu tương</b> | Soybean Meal | CBOT         | ZME         |
| 5                 | <b>Lúa mì</b>        | Wheat        | CBOT         | ZWA         |

|                                   |                       |                |             |     |
|-----------------------------------|-----------------------|----------------|-------------|-----|
| <b>II Nguyên liệu công nghiệp</b> |                       |                |             |     |
| 1                                 | <b>Cà phê Robusta</b> | Robusta Coffee | ICE EU      | LRC |
| 2                                 | <b>Cà phê Arabica</b> | Arabica Coffee | ICE US      | KCE |
| 3                                 | <b>Ca cao</b>         | Cocoa          | ICE US      | CCE |
| 4                                 | <b>Bông</b>           | Cotton 2       | ICE US      | CTE |
| 5                                 | <b>Đường</b>          | Sugar 11       | ICE US      | SBE |
| 6                                 | <b>Cao su RSS3</b>    | Rubber RSS3    | TOCOM / OSE | TRU |
| 7                                 | <b>Cao su TSR20</b>   | Rubber TSR 20  | SGX         | ZFT |

|                     |                  |                     |       |     |
|---------------------|------------------|---------------------|-------|-----|
| <b>III Kim loại</b> |                  |                     |       |     |
| 1                   | <b>Bạch kim</b>  | Platinum            | NYMEX | PLE |
| 2                   | <b>Bạc</b>       | Sliver              | NYMEX | SIE |
| 3                   | <b>Đồng</b>      | High Grade Copper   | NYMEX | CPE |
| 4                   | <b>Đồng</b>      | Grade A Copper      | LME   | CAD |
| 5                   | <b>Nhôm</b>      | High Grade Aluminum | LME   | AHD |
| 6                   | <b>Kẽm</b>       | High Grade Zinc     | LME   | ZDS |
| 7                   | <b>Niken</b>     | Nickel              | LME   | NID |
| 8                   | <b>Chì</b>       | Lead                | LME   | PBD |
| 9                   | <b>Thiếc</b>     | Tin                 | LME   | SND |
| 10                  | <b>Quặng sắt</b> | Iron Ore            | SGX   | FEF |

|                      |                         |                   |        |     |
|----------------------|-------------------------|-------------------|--------|-----|
| <b>IV Năng lượng</b> |                         |                   |        |     |
| 1                    | <b>Dầu Brent</b>        | Brent Oil         | ICE EU | QO  |
| 2                    | <b>Dầu ít lưu huỳnh</b> | Low Sulfur Gasoil | ICE EU | QP  |
| 3                    | <b>Dầu WTI</b>          | Crude Oil         | NYMEX  | CLE |
| 4                    | <b>Khí tự nhiên</b>     | Natural Gas       | NYMEX  | NGE |
| 5                    | <b>Pha chế xăng</b>     | RBOB Gasoline     | NYMEX  | RBE |

| Tháng   | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | 10 | 11 | 12 |
|---------|---|---|---|---|---|---|---|---|---|----|----|----|
| Mã hiệu | F | G | H | J | K | M | N | Q | U | V  | X  | X  |

## H. ĐẶC TẢ HỢP ĐỒNG

| MÃ HÀNG HÓA | TÊN HÀNG HÓA      | SỞ GIAO DỊCH | ĐƠN VỊ HỢP ĐỒNG | ĐỘ LỚN HỢP ĐỒNG | CÁC THÁNG ĐẾN HẠN                     |
|-------------|-------------------|--------------|-----------------|-----------------|---------------------------------------|
| ZCE         | Ngô               | CBOT         | Giạ             | 5,000           | 3, 5, 7, 9, 12                        |
| ZSE         | Đậu tương         |              | Giạ             | 5,000           | 1, 3, 5, 7, 8, 9, 11                  |
| ZLE         | Dầu đậu tương     |              | Pound           | 60,000          | 1, 3, 5, 7, 8, 9, 10, 12              |
| ZME         | Khô đậu tương     |              | Tân thiếu       | 100             | 1, 3, 5, 7, 8, 9, 10, 12              |
| ZWA         | Lúa mỳ            |              | Giạ             | 5,000           | 3, 5, 7, 9, 12                        |
| SIE         | Bạc               | COMEX        | Troy Ounce      | 5,000           | 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10, 11, 12 |
| CPE         | Đồng              |              | Pound           | 25,000          | 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10, 11, 12 |
| PLE         | Bạch kim          | NYMEX        | Troy Ounce      | 50              | 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10, 11, 12 |
| CLE         | Dầu WTI           |              | Thùng           | 1,000           | 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10, 11, 12 |
| NGE         | Khí tự nhiên      |              | MMBtu           | 10,000          | 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10, 11, 12 |
| RBE         | Xăng pha chế RBOB |              | Gallon          | 42,000          | 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10, 11, 12 |
| KCE         | Cà phê Arabica    | ICE US       | Pound           | 37,000          | 3, 5, 7, 9, 12                        |
| CCE         | Cacao             |              | Tân thiếu       | 10              | 3, 5, 7, 9, 12                        |
| CTE         | Bông              |              | Pound           | 50,000          | 3, 5, 7, 10, 12                       |
| SBE         | Đường             |              | Pound           | 112,000         | 3, 5, 7, 10                           |
| LRC         | Cà phê Robusta    | ICE EU       | Tấn             | 10              | 1, 3, 5, 7, 9, 11                     |
| QO          | Dầu Brent         |              | Thùng           | 1,000           | 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10, 11, 12 |
| QP          | Dầu ít lưu huỳnh  |              | Tấn             | 100             | 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10, 11, 12 |
| CAD         | Đồng              | LME          | Tấn             | 25              | 03 tháng từ ngày giao dịch            |
| AHD         | Nhôm              |              | Tấn             | 25              | 03 tháng từ ngày giao dịch            |
| ZDS         | Kẽm               |              | Tấn             | 25              | 03 tháng từ ngày giao dịch            |
| NID         | Niken             |              | Tấn             | 6               | 03 tháng từ ngày giao dịch            |
| PBD         | Chì               |              | Tấn             | 25              | 03 tháng từ ngày giao dịch            |
| SND         | Thiếc             |              | Tấn             | 5               | 03 tháng từ ngày giao dịch            |
| ZFT         | Cao su TSR20      | SGX          | Tấn             | 5               | 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10, 11, 12 |
| FEF         | Quặng sắt         |              | Tấn             | 100             | 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10, 11, 12 |
| TRU         | Cao su RSS3       | TOCOM/OSE    | Kg              | 5,000           | 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10, 11, 12 |

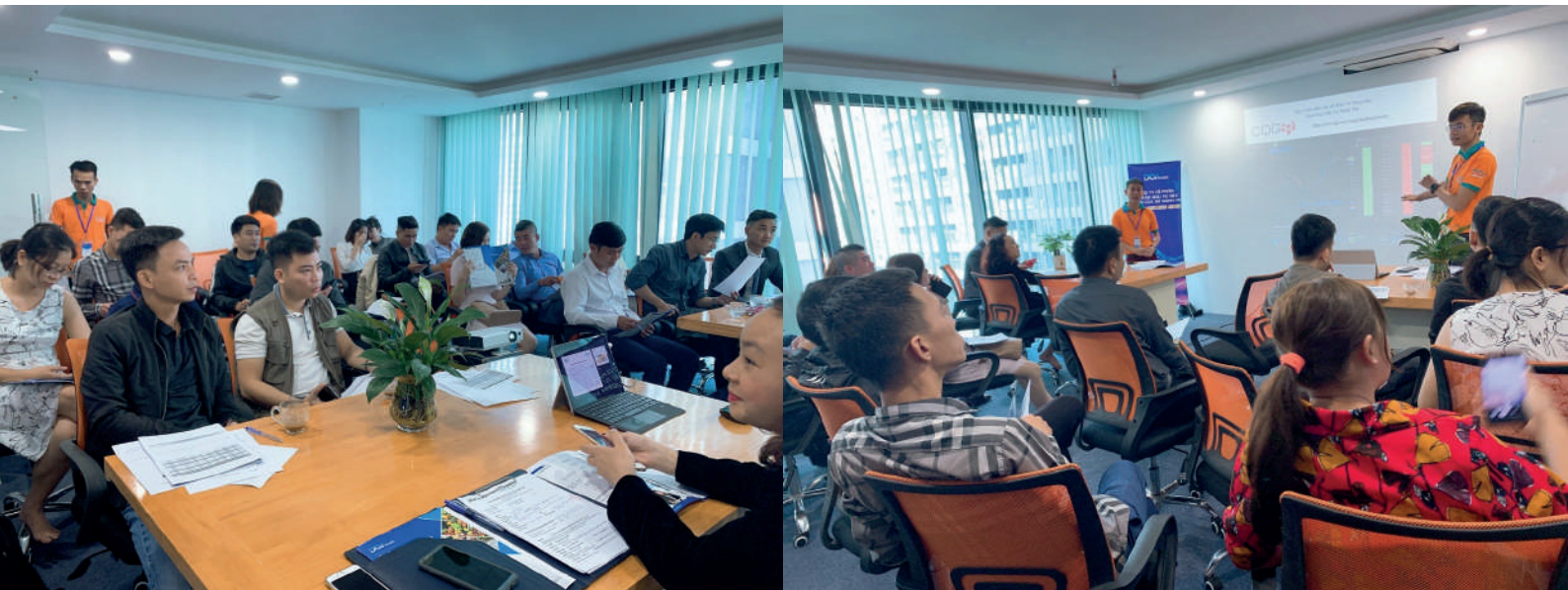
## I. HẠ TẦNG CÔNG NGHỆ GIAO DỊCH TIÊU CHUẨN QUỐC TẾ

Phần mềm giao dịch CQG là giải pháp tối ưu cho việc giao dịch hàng hóa, đảm bảo:

- Công nghệ hiện đại, ưu việt.
- Nhanh chóng triển khai, cài đặt.
- Dễ dàng tích hợp, mở rộng
- Đảm bảo hiệu suất cao và độ trễ thấp
- Tiện lợi cho nhà đầu tư khi sử dụng máy tính, điện thoại có kết nối mạng giao dịch



## J. HOẠT ĐỘNG ĐÀO TẠO TẬP HUẤN



Song song với công tác đào tạo tập huấn của MXV, DCV INVEST tổ chức Đào tạo Kiến thức đầu tư giao dịch hàng hóa hàng tuần cho Khách hàng.





SỞ GIAO DỊCH HÀNG HÓA VIỆT NAM  
MERCANTILE EXCHANGE OF VIETNAM

## CHỨNG NHẬN CERTIFICATE

Công Ty Cổ Phần Tư Vấn Đầu Tư DCV  
DCV Investment Consulting Joint Stock Company

Là Thành viên Kinh doanh  
của Sở Giao dịch Hàng hoá Việt Nam  
Is Trading Member  
of Mercantile Exchange of Vietnam

Mã thành viên  
(Membership number): 016-KD  
Theo Quyết định số  
(Decision No): 83/QĐ/MXV  
ngày 24/03/2020

Hà Nội, ngày 24 tháng 03 năm 2020

Tổng giám đốc  
(General Director)

  
Phạm Ngọc Bình

**DCV Invest**  
GIAO DỊCH HÀNG HÓA QUỐC TẾ

**CÔNG TY CP TƯ VẤN ĐẦU TƯ DCV ( DCV INVEST)**

MST: 0109112632

Trụ sở: Tầng 12, Tòa nhà Việt Á Tower, Số 9 Duy Tân, Dịch Vọng Hậu, Cầu Giấy, Hà Nội.

Điện thoại: 024 9999 8669

Email: cskh@dcv.vn

Website: www.dcvinvest.com